

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

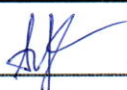
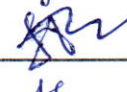
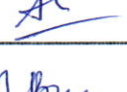
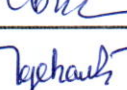
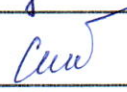
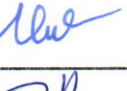
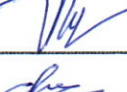
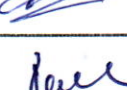
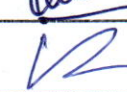
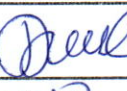
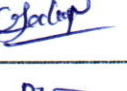
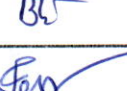
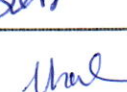
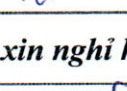
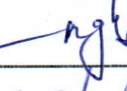
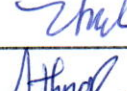
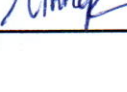
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN CƯ M'GAR, KHÓA HỌC 2024-2026
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

THI PHẦN C.II NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Ngày thi: 20/7/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Cư M'gar.

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị Vân Anh	03/3/1991	03		65	75	Kiểm, năm
02	Phạm Thị Ngọc Ánh	05/4/1977	02		56	70	Kiểm
03	Nguyễn Thị Phương Ánh	06/01/1985	03		9	75	Kiểm, năm
04	H'Bon Byă	05/5/1990	03		77	75	Kiểm, năm
05	Nguyễn Thị Giang Châu	17/6/1989	03		24	75	Kiểm, năm
06	Cao Xuân Cúc	18/08/1981	03		67	75	Kiểm, năm
07	Trần Thị Kim Cúc	20/10/1991	03		4	75	Kiểm, năm
08	Nguyễn Văn Dư	28/6/1986	03		42	75	Kiểm, năm
09	Huỳnh Văn Dữ	28/11/1987	03		17	75	Kiểm, năm
10	Nguyễn Trung Dũng	28/02/1988	03		29	70	Kiểm
11	Phạm Đình Dũng	23/4/1984	03		18	75	Kiểm, năm
12	Hồ Thị Dương	05/5/1975	02		72	75	Kiểm, năm
13	Huỳnh Thị Lệ Duyên	28/12/1980	03		2	75	Kiểm, năm
14	H Bluer Êban	23/3/1989	03		52	75	Kiểm, năm
15	H Len Êban	10/8/1988	03		35	80	Tạm
16	Lê Thu Hà	21/5/1985	04		28	70	Kiểm
17	Trần Thị Hà	10/11/1981	Có đơn xin nghỉ học (QĐ cho thôi học: số 348 ngày 13/6/2024)				
18	Nguyễn Ngọc Hải	30/09/1981	02		20	70	Kiểm
19	Trương Thị Bích Hạnh	04/04/1980	02		66	70	Kiểm
20	Hoàng Thị Hồng	23/10/1989	03		68	75	Kiểm, năm

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Phạm Thị Huệ	30/4/1985	03		73	80	Tam
22	Phan Thị Mai Hương	15/9/1981	03		64	75	Bảy, năm
23	Nguyễn Xuân Huyền	26/6/1975	04		33	75	Bảy, năm
24	H Liễu Hwing	14/4/1984	03		53	775	Bảy, bảy, năm
25	H Phương Niê Kđăm	17/9/1989	03		51	775	Bảy, bảy, năm
26	Bùi Đăng Khoa	20/8/1984	03		80	75	Bảy, năm
27	Trần Đình Đăng Khoa	15/9/1986	02		10	70	Bảy
28	Y Sueng Buôn Krông	10/4/1986	02		7	725	Bảy, hai, năm
29	Đỗ Phú Linh	05/9/1981	03		8	775	Bảy, bảy, năm
30	Đinh Thị Loan	01/12/1990	03		54	80	Tam
31	Đặng Kiều Loan	01/02/1989	03		40	775	Bảy, bảy, năm
32	Nguyễn Tấn Lợi	09/8/1985	02		50	725	Bảy, hai, năm
33	Võ Thị Thùy Lựu	31/12/1986	02		75	725	Bảy, hai, năm
34	Phan Thị Lý	20/3/1984	03		74	775	Bảy, bảy, năm
35	Nguyễn Thị Mai	10/12/1985	04		55	875	Tam, bảy, năm
36	Nguyễn Thị Thanh Mai	19/12/1988	03		30	725	Bảy, hai, năm
37	Trần Thị Thanh Mận	21/02/1983	03		57	775	Bảy, bảy, năm
38	H Bích Mlô	05/8/1985	03		36	775	Bảy, bảy, năm
39	Nguyễn Hải Nam	01/10/1985	03		62	75	Bảy, năm
40	Phạm Thị Nga	10/6/1982	03		76	775	Bảy, bảy, năm
41	Lê Ngọc Nghĩa	14/8/1980	03		79	775	Bảy, bảy, năm
42	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/02/1989	02		78	75	Bảy, năm
43	Vũ Thị Nhung	05/8/1988	03		11	775	Bảy, bảy, năm
44	H'Lim Niê	06/8/1990	03		34	875	Tam, bảy, năm
45	Y Blô Niê	21/01/1988	03		61	725	Bảy, hai, năm
46	Y Tênh Niê	20/06/1986	02		38	70	Bảy
47	H' Nary Niê	10/5/1980	02		46	75	Bảy, năm

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
48	Phan Thị Bích Phượng	29/01/1981	03		37	75	bay, năm
49	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	05/7/1987	03		39	75	bay, bay năm
50	Lê Thế Sơn	06/5/1985	03		23	725	bay, hai năm
51	Lê Thị Thu Sương	20/4/1988	03		13	775	bay, bay năm
52	Nguyễn Thị Thu Sương	20/9/1981	03		60	75	bay, năm
53	Trần Văn Tân	08/9/1983	03		48	775	bay, bay năm
54	Nguyễn Ngọc Thạch	26/7/1977	03		26	75	bay, năm
55	Nguyễn Thị Thanh	15/01/1984	03		59	775	bay, bay năm
56	Lê Hữu Thành	06/3/1985	03		31	75	bay, năm
57	Đinh Thị Thảo	14/4/1990	03		45	775	bay, bay năm
58	Nguyễn Thị Thảo	27/8/1987	03		49	80	Tam
59	Lê Tô Anh Thi	13/9/1981	03		41	775	bay, bay năm
60	Ngô Thị Thơm	28/12/1980	03		44	825	Tam, hai năm
61	Phạm Xuân Thống	01/01/1984	03		69	75	bay, năm
62	Phan Thị Thu	03/4/1988	02		22	70	bay
63	Đậu Minh Thuận	11/6/1989	03		47	80	Tam
64	Đỗ Thị Như Thuận	27/4/1989	03		43	75	bay, năm
65	Trần Văn Thương	24/5/1977	03		19	80	Tam
66	Bùi Văn Thương	24/9/1989	03		5	775	bay, bay năm
67	Lê Thị Thúy	18/12/1990	3		15	775	bay, bay năm
68	Phạm Thu Thủy	19/10/1988	03		14	80	Tam
69	Nguyễn Thị Tơ	14/10/1985	03		25	725	bay, hai năm
70	Cao Thị Minh Trâm	23/05/1987	03		32	75	bay, năm
71	Đỗ Thị Thanh Trang	02/11/1988	03		58	775	bay, bay năm
72	Hoàng Thị Đài Trang	05/7/1988	03		63	80	Tam
73	Võ Thị Trang	05/8/1986	03		16	725	bay, hai năm
74	Võ Thị Thu Trang	18/4/1987	03		27	70	bay

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
75	Nguyễn Trọng Tuấn	24/8/1981	03	<i>ref</i>	12	715	học 1 năm
76	Hồ Ngọc Việt	02/02/1973	03	<i>Quel</i>	70	715	học 1 năm
77	Phạm Văn Vinh	20/10/1984	03	<i>me</i>	71	715	học 1 năm
78	Phan Thị Xuân	01/11/1986	03	<i>guc</i>	21	715	học 1 năm
79	Hoàng Thị Yếm	08/12/1984	03	<i>thym</i>	1	715	học 1 năm
80	Ninh Thị Hồng Yến	21/10/1988	03	<i>guz</i>	6	715	học 1 năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....⁸⁰.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....⁰¹.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....⁷⁹.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....học viên; trong đó: có lý do:..... học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....⁷⁹.....bài/.....²¹⁸.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Đm
Nguyễn Thị Dung

Ngày...⁰⁶...tháng...⁸...năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

ba
Phùng Thọ Phùng Loan

TRƯỞNG KHOA

St
Lê Huyền Đạt

CÁN BỘ COI THI 02

ly
Võ Thị Thông

Ngày...⁰⁵...tháng...⁸...năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ma
Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

omhell



Nguyễn Thành Dũng

TS. Lê Duyên Hà